

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14/6/2023

V/v tranh chấp không công nhận quan hệ

Vợ chồng và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phúc

2. Bà Nguyễn Hoa Lài

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Phạm Ngọc T – vắng mặt

Địa chỉ: Ấp Trầu Hôi B, xã Thạnh X, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2- *Bị đơn:* Mã Tiên T1 – Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp Trầu Hôi B, xã Thạnh X, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 13/02/2023 và quá trình tố tụng tại tòa án nguyên đơn chị Phạm Ngọc T trình bày: Chị và anh T1 sống chung với nhau từ năm 2016, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức đám cưới và cũng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung nên đã ly thân hơn 02 năm nay. Nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh mã Tiền T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung cháu tên là Phạm Nguyễn Thiên P (nam), sinh ngày 09/02/2017 và cháu Phạm Nguyễn Thiên A (nam), sinh ngày 26/8/2020. Hiện các cháu đang sống với chị T. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, không có yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Chị T có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Mã Tiền T1 trình bày: Anh và chị T sống chung với nhau từ năm 2016, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức đám cưới và cũng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ anh ngoại tình. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung cháu tên Phạm Nguyễn Thiên P (nam), sinh ngày 09/02/2017 và cháu Phạm Nguyễn Thiên A (nam), sinh ngày 26/8/2020. Hiện các cháu đang sống với chị T. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung, không có yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T1 theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc nội dung giải quyết vụ án: Do chị Phạm Ngọc T và anh Mã Tiền T1 sống chung với nhau tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn

nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Phạm Ngọc T và anh Mã Tiến T1 là vợ chồng. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao Phạm Nguyễn Thiên P (nam), sinh ngày 09/02/2017 và cháu Phạm Nguyễn Thiên A (nam), sinh ngày 26/8/2020 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Do chị T chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nên anh T1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Phạm Ngọc T và anh Mã Tiến T1 do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mã Tiến T1. Do ông Mã Tiến T1 có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 57/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, nuôi con là không chính xác. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là không công nhận quan hệ hôn nhân là vợ chồng và nuôi con. Nguyên đơn chị Phạm Ngọc T và bị đơn anh Mã Tiến T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T1.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Ngọc T và anh Mã Tiến T1 tuy được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không được pháp luật công nhận mối quan hệ hôn nhân này. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị T làm

đơn xin ly hôn với anh T1. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ hôn nhân giữa Phạm Ngọc T và anh Mã Tiến T1 là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Chị Phạm Ngọc T và anh Mã Tiến T1 có 02 con chung là Phạm Nguyễn Thiên P (nam), sinh ngày 09/02/2017 và cháu Phạm Nguyễn Thiên A (nam), sinh ngày 26/8/2020. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị T Hội đồng xét xử nhận thấy cháu còn nhỏ, đang sống ổn định với chị T, quá trình xác minh tại địa phương xác định chị T nuôi các cháu tốt và có điều kiện kinh tế tốt để nuôi các cháu. Do vậy, nhằm ổn định chỗ ở và cuộc sống cho cháu P và cháu A nên Hội đồng xét xử giao cháu P và cháu A cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Do chị T chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nên anh T1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do anh T1 không trực tiếp nuôi con chung nên chị T phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh T1 được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Xét yêu cầu nuôi con chung của anh T1 Hội đồng xét xử nhận thấy cháu A và cháu P không sống chung với anh thời một thời gian khá dài nên chưa đủ tình cảm để các cháu gắn bó với anh T1. Anh T1 cho rằng chị T không nuôi các cháu tốt dẫn đến các cháu thường xuyên bệnh tật nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Mặt khác người dân địa phương nơi chị T đang nuôi các cháu đều xác nhận các cháu sống rất hạnh phúc và cho các cháu ăn học đầy đủ. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh T1.

[3.3] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Phạm Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Ngọc T và anh Mã Tiến T1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Thiên P (nam), sinh ngày 09 tháng 02 năm 2017 và cháu Phạm Nguyễn Thiên A (nam), sinh ngày 26 tháng 8 năm 2020 cho chị Phạm Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Mã Tiến T1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Mã Tiến T không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0012358 ngày 13/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (chị T đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;

- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Đua